

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 6/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0015	Trần Trung Đức	18/04/1997				
2	TA0016	Phạm Ngọc Hiếu	16/05/1995				
3	TA0017	Nguyễn Đoàn Hưng	21/09/1997				
4	TA0018	Trần Đức Hiếu	17/07/1999				
5	TA0019	Nguyễn Thị Điệp	12/03/1998				
6	TA0020	Nguyễn Thế Đức	05/08/1997				
7	TA0021	Lê Tất Thắng	04/08/1997				
8	TA0022	Cao Phước Duy	10/03/1997				
9	TA0023	Nguyễn Thị Thuỳ Duyên	10/06/1997				
10	TA0024	Nguyễn Thiên Nga	06/01/1997				
11	TA0025	Nguyễn Trọng Hùng	20/12/1997				
12	TA0026	Nghiêm Văn Thiện	21/01/1997				
13	TA0027	Đoàn Hồng Quân	24/03/1998				
14	TA0028	Nông Thị Thuỳ Trang	9/9/1998				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)